TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 11/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Như Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lê Văn Hiền**

2/ Ông **Nguyễn Văn Đạt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** là thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Q (tên gọi khác T), sinh ngày 14/10/1982** tại huyện T C, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: Tổ 19, khu phố L, thị trấn K, huyện K L, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp làm thuê; Trình độ học vấn 9/12; Dân tộc Kinh; Tôn giáo Phật; Quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị D; có vợ Lê Thị Kiều O đã ly hôn; Con có 03 người (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2009); Anh chị em ruột có 04 người; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/. Họ và tên: **Lý Thanh L, sinh ngày 21/4/1988** tại huyện K L, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp B, xã B, huyện K L, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp tài xế; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc Kinh; Tôn giáo Phật; Quốc tịch Việt Nam; con ông Lý Văn H và bà Dương Ngọc Th; có vợ Huỳnh Thị C; Con có 01 người sinh năm 2016; Anh chị em ruột có 03 người; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/. Họ và tên: **Võ Phi N, sinh ngày 22/8/1984** tại huyện T V T, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp B, xã B , huyện K L, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp tài xế; Trình độ học vấn 9/12; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Văn K và bà Võ Thị L; có vợ Nguyễn Kim K; Con có 03 người (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017); Anh chị em ruột có 02 người; Tiền án, tiền sự không. Bị cáo đang tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Nguyên đơn dân sự: **Công ty TNHH S C C Việt Nam.** Địa chỉ Lầu 12 E C số … Đoàn Văn B, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo ủy quyền*: ông **Lý Đình N** Trưởng phòng an ninh của công ty (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Dương Thái H**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp B C, xã D, huyện K L, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người làm chứng: 1/ Ông **Phạm Công B**, sinh năm 1976. Địa chỉ khu phố C, thị trấn K, huyện K L, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2/ Ông **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1983. Địa chỉ khu phố X, thị trấn K, huyện K L, Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 26/7/2017 Nguyễn Ngọc Q là công nhân Công ty T H vào trực nhà máy xi măng I thuộc ấp B N, xã B A, huyện K L, tỉnh Kiên Giang, Quang phát hiện một số sắt phế liệu để tại sân bãi Clinker của nhà

máy không người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm. Q gặp và bàn bạc với Lý Thanh L và Võ Phi N là công nhân Công ty V L cùng làm tại nhà máy xi măng I tìm cách lấy trộm số tài sản trên bán chia tiền tiêu xài và được L, N đồng ý. Đến khoảng 03 giờ ngày 27/7/2017, N điều khiển xe xúc đến chỗ để sắt phế liệu rồi cùng với Q đưa sắt lên xe, sau đó Q quay lại làm việc còn N điều khiển xe xúc chở sắt đưa lên ô tô tải biển kiểm soát 51C-809.61 do L làm tài xế đậu đợi sẵn, chờ đến sáng đem ra ngoài.

Cũng trong thời gian này, Dương Thái H là công nhân nhà máy I cũng bàn bạc với L lén lút đưa 01 bao nắp niềng phuy ra ngoài bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và được L đồng ý, nên H đã lấy tài sản đưa lên xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-809.61. Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày L điều khiển xe tải 51C-809.61 chở số sắt cùng với nắp niềng phuy ra ngoài tiêu thụ thì bị bảo vệ phát hiện, kiểm tra trên xe có chở 1.240 kg sắt gồm 1.100 kg sắt phế liệu, 140kg nắp niềng phuy bằng sắt.

Vật chứng thu giữ:

- 1.100kg sắt (loại sắt phế liệu) đã qua sử dụng;
- 140kg nắp niềng phuy (làm bằng sắt) đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên đã giao trả cho chủ sở hữu.

Theo bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12A/KL-HĐĐGTS, ngày 31/10/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Kiên Lương kết luận:

- 1.100 kg sắt phế liệu đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 5.500.000đ;
- 140 kg nắp niền phi bằng sắt đã qua sử dụng có giá trị còn lại 560.000đ.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS, ngày 15/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Lý Thanh L và Võ Phi N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật cũng như nội dung cáo trạng và đề nghị áp dụng

khoản 01 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Lý Thanh L và Võ Phi N mỗi bị cáo mức án từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách cho mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng.

Về tang vật đã giao trả cho chủ sở hữu, trách nhiệm dân sự chủ sở hữu không có yêu cầu gì nên miễn xét.

Về án phí buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí 200.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Q, L, Nốp khai nhận là công nhân làm trong nhà máy xi măng I thuộc ấp B N, xã B A, huyện K L, thấy sắt phế liệu của nhà máy để không người trông coi nên đã bàn bạc lén lút trộm cắp số sắt này để bán chia nhau tiêu sài cá nhân, ngoài ra L có thỏa thuận với Dương Thái H lấy một bao niền phuy ra ngoài tiêu thu, khi đang vận chuyển ra ngoài cổng thì bị phát hiện bắt giữ. Tổng trọng lượng số sắt phế liệu 1.240kg có giá thẩm định 6.060.000đ.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với bản cáo trạng, lời khai của những người tham gia tố tụng khác cũng như vật chứng trong vụ án, nên có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Lý Thanh Lvà Võ Phi N phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Các bị cáo lợi dụng làm việc trong công ty, lợi dụng đêm khuya, tài sản không có người trông giữ đã lén lút lấy số sắt của công ty chở ra ngoài bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, tuy nhiên khi vận chuyển ra ngoài thì bị phát hiện giữ.

Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến tài sản của người khác và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trong công ty cũng như tại địa phương, các bị cáo phạm tội không có tính tổ chức chặt chẻ chỉ là hình thức giản đơn. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có việc làm nhưng do lòng tham và thiếu suy nghĩ đã thực hiện hành vi trái pháp luật nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình gây ra.

Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản trộm cắp là sắt phế liệu trị giá không lớn, chưa gây thiệt hại, tài sản đã thu hồi trả cho chủ sở hữu; các bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, là lao động chính, các con còn nhỏ, ngoài ra đại diện cho phía công ty cho biết hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, tài sản mất là phế liệu và tái sử dụng, chưa gây thiệt hại gì cho công ty nên đề nghị Tòa án xét giảm mức án thấp nhất để cho các bị cáo tái hòa nhập cộng đồng, nên áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để giảm hình phạt cho các bị cáo.

Do các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều (03) tình tiết giảm nhẹ, việc phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích chủ yếu giúp cho bị cáo Q có tiền xoay sở trong gia đình do vợ đã ly hôn một mình nuôi 3 con nhỏ và mẹ già yếu, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để cho các bị cáo được hưởng án treo và một thời gian thử thách cũng đủ giáo dục các bị cáo thành công dân tốt cho cuộc sống là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với Dương Thái H có hành vi trộm cắp 140kg nắp niền phuy bằng sắt đã qua sử dụng của công ty I có giá trị 560.000đ tuy chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự , Công an huyện K L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này thì cũng coi đây là bài học cho cuộc sống về sau.

Đối với tài sản các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi giao trả cho chủ sở hữu, qua giải quyết cũng như tại phiên tòa đại diện cho chủ sở hữu không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên miễn xét.

[2] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Ngọc Q (T), Lý Thanh L và Võ Phi N** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1/. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Q (T) – 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo **Lý Thanh L – 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án;

- Xử phạt bị cáo **Võ Phi N – 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Q (T) cho Ủy Ban Nhân Dân thị trấn K; giao các bị cáo Lý Thanh L, Võ Phi N cho Ủy Ban Dân xã B giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

2/. Về tang vật vụ án gồm 1.100kg sắt (loại sắt phế liệu) và 140kg nắp niền phuy đã qua sử dụng đã giao trả cho chủ sở hữu nên miễn xét

3/. Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại không xảy ra, nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì về phần bồi thường nên miễn xét.

4/. Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc Q (T); Lý Thanh L và Võ Phi N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

5/. Quyền kháng cáo: Báo các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/4/2018). Người có liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được niên yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Như Tám